TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN LÃO** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số:06/2023/HNGĐ-ST Ngày 10-02-2023 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Duyến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Thôn;

Bà Trịnh Thị Sớm.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Gấm - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa*:** Ông Đặng Gia Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 123/2022/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 11 năm 2022 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 88/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Đỗ Thị T; địa chỉ: Thôn C, xã C, huyện A, thành phố Hải Phòng, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn*: Anh Đào Xuân C; địa chỉ: Thôn C, xã C, huyện A, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 10 năm 2022 và các bản tự khai, nguyên đơn là chị Đỗ Thị T trình bày: Chị T xây dựng hạnh phúc với anh C trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân cac C, huyện A, thành

phố Hải Phòng vào ngày 16 tháng 5 năm 2007. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại thôn C, xã C, huyện A, thành phố Hải Phòng được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do quan điểm sống không hợp nhau, anh C chơi bời, thiếu quan tâm đến gia đình, vợ con nên vợ chồng thường xảy ra xô xát. Chị T đã khuyên bảo nhiều nhưng anh C không thay đổi, mâu thuẫn ngày càng căng thẳng. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên đề nghị được ly hôn với anh C. Về con chung, anh chị có hai con là Đào Xuân L sinh ngày 17 tháng 02 năm 2009 và Đào Thị Thanh T sinh ngày 29 tháng 4 năm 2011. Chị T nhận trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và đề nghị Tòa án giao cháu L cho anh C nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung, chị T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Đào Xuân C vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không có lời khai.

Lời khai của con chung: Cháu Đào Xuân L có nguyện vọng được ở với anh Đào Xuân C. Cháu Đào Thị Thanh T có đề nghị được ở với chị Đỗ Chị T.

Các biên bản xác minh tại gia đình, địa phương nơi chị T và anh C cư trú đều thể hiện tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã căng thẳng, con chung như chị T đã trình bày. Quan điểm của những ý kiến đã được tham khảo là giao con chung cho cho mỗi người trực tiếp nuôi dưỡng một con là phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh thực tế của anh C và chị T.

Tại phiên tòa, chị T và anh C đều vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn về cơ bản đều đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại các điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 19, 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị T được ly hôn anh C; về con chung: Giao con Đào Xuân L cho anh Đào Xuân C trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Đào Thị Thanh T cho chị Đỗ Thị T nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung: Chị T và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, chị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị T có đơn khởi kiện đề nghị được ly hôn với anh C, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh C là bị đơn trong vụ án và có nơi cư trú tại cac C, huyện A, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Lão theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Sau khi hoãn phiên tòa lần thứ nhất, chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh C vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh C.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân cac C, huyện A, thành phố Hải Phòng vào ngày 16 tháng 5 năm 2007. Vì vậy quan hệ hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Trong thời gian chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do quan điểm sống không hợp nhau, anh C thiếu quan tâm đến gia đình, vợ chồng không có sự chia sẻ, thông cảm, yêu thương lẫn nhau, dẫn đến mâu thuẫn kéo dài và không tìm được giải pháp nào để khắc phục tình trạng mâu thuẫn đó. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên đề nghị được ly hôn với anh C. Quá trình giải quyết vụ án anh C không có mặt theo thông báo hòa giải của Tòa án, điều đó phần nào thể hiện ý chí không mong muốn đoàn tụ vợ chồng của anh C. Như vậy, có thể thấy mâu thuẫn của anh chị đã ngày càng căng thẳng, trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết cho chị T được ly hôn anh C.

[4] Về con chung: Chị T và anh C có hai con chung là Đào Xuân L sinh ngày 17 tháng 02 năm 2009 và Đào Thị Thanh T sinh ngày 29 tháng 4 năm 2011, chị T nhận nuôi cháu T và đề nghị giao cháu L cho anh C nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung chị T không đề nghị Tòa án giải quyết. Cháu L có nguyện vọng được ở với anh C và cháu T cũng có ý kiến xin được ở với chị T. Do vậy cần giao cháu T cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu L cho anh C nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là

có cơ sở, phù hợp với những ý kiến đã được tham khảo, phù hợp với điều kiện thực tế, phù hợp với nguyện vọng của nguyên đơn, phù hợp với việc chăm sóc giới tính của các con và đồng thời đảm bảo được lợi ích, tâm lý và sự phát triển về mọi mặt khác của con chung và phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị T và anh C không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị T và anh C đều không đề nghị xem xét nên Tòa án không giải quyết.

[6] Về án phí: Chị T là nguyên đơn phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị T và anh C được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị T:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị T được ly hôn anh Đào Xuân C.

2. Về con chung: Giao con Đào Xuân L sinh ngày 17 tháng 02 năm 2009 cho anh Đào Xuân C trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Đào Thị Thanh T sinh ngày 29 tháng 4 năm 2011 cho chị Đỗ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chung các đương sự đều không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đỗ Thị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Đỗ Thị T đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001354 ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Chị Đỗ Thị T đã nộp đủ án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Đỗ Thị T và anh Đào Xuân C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Các đương sự;
- UBND xã C;
- Lưu: Hồ sơ; HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Duyến